TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4- BẮC NINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 275/2026/ HNGĐ-ST
Ngày 15/8/2026
V/v: " *Ly hôn và con chung* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên.
Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chấn
Bà Vũ Thị Nết.
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Hữu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Vi Đức Thứ- Kiểm sát viên.
Ngày 15/8/2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 227/2026/TLST-HNGĐ ngày 06/4/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/6/2026 về *việc " Tranh chấp ly hôn và con chung ", giữa:*
Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995(Vắng mặt).
Nơi thường trú: Thôn T, xã B,tỉnh Bắc Ninh.
Nơi ở hiện nay: Thôn V, xã T, tỉnh Lào Cai.
Bị đơn: Anh Đào Văn T, sinh năm 1989(Vắng mặt).
Cùng cư trú: Thôn T, xã B,tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:
Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị H và anh Đào Văn T đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang(Cũ) nay là UBND xã B, tỉnh Bắc Ninh năm 2018 sau đó về chung sống với nhau.Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng sống mỗi người một nơi. Vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên ly thân từ năm 2020 đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế, mỗi người sống một nơi, không quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn anh T.
Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đào Gia B, sinh ngày 12/7/2018 và Đào Nguyễn Gia L, sinh ngày 29/9/2020. Hiện nay 02 con đang sinh sống với chị H. Ly hôn chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02

con chung. Hiện chị H đang làm tự do, thu nhập từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: Không yêu cầu giải quyết.

Chị H đề nghị vắng mặt tại phiên tòa

Bị đơn là anh Đào Văn T vắng mặt suốt quá trình tố tụng và các phiên tòa, không trình bày gì mặc dù Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục.

3. Đại diện Viện KSND khu vực 4- Bắc Ninh tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc thực hiện Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành luật pháp của những người tham gia tố tụng, việc tiến hành thu thập chứng cứ và kiểm tra các chứng cứ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Đề nghị căn cứ các Điều 51,56 và 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T được ly hôn.

Về con chung: Giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Đào Gia B, sinh ngày 12/7/2018 và Đào Nguyễn Gia L, sinh ngày 29/9/2020. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở

Về cấp dưỡng nuôi con,tài sản chung và các vấn đề khác: Không giải quyết.

Án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa ,Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị H và anh T đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T đã được Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục nên việc xét xử vụ án đúng quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Do vậy yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ cần xem xét giải quyết theo quy định tại các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình .

Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị H và anh T đã chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên ly thân từ năm 2020 đến nay. Từ khi ly thân không quan tâm đến nhau, mỗi người sống một nơi, bỏ mặc nhau sống. Chị H yêu cầu ly hôn thì anh T không ý kiến gì, không tham gia tố tụng. Do vậy Tòa án nhận định mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục

đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị H về việc ly hôn anh T.

[3].Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Đào Gia B, sinh ngày 12/7/2018 và Đào Nguyễn Gia L, sinh ngày 29/9/2020. Về yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị H, Tòa án nhận định: Hiện nay anh T đang sinh sống ở nước ngoài, các con chung đang sinh sống với chị H và phát triển, học tập tốt và đều có nguyện vọng được tiếp tục sinh sống cùng mẹ. Đồng thời chị H trình bày có đủ thu nhập để đảm bảo nuôi dưỡng 02 con phát triển tốt. Do vậy cần giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng các con Đào Gia B và Đào Nguyễn Gia L là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của các đương sự và lợi ích của con chung, đúng quy định pháp luật .

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: Đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Căn cứ nội dung trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 và 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, xử;

1.*Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H và anh Đào Văn T được ly hôn.

2.*Về con chung:* Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Đào Gia B, sinh ngày 12/7/2018 và Đào Nguyễn Gia L, sinh ngày 29/9/2020. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: Không giải quyết.

4. *Án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0002735 ngày 02/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh

5. *Quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 271 và Điều 273, Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án sơ thẩm; anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết..

Nơi nhận
- Đương sự,
-TAND T.BN
-VKSND KV4-BN
-THADS KV4-BN
-UBND xã Bảo Đài
-Lưu

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Kiên